

Số: 47/2015/TT-BTC

Hà Nội, ngày 10 tháng 4 năm 2015

THÔNG TƯ

Quy định về việc thí điểm thực hiện quy định Đại lý giám sát hải quan thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Chính phủ nước CHND Trung Hoa

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan;

Căn cứ Quyết định số 74/2014/QĐ-TTg ngày 24 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thí điểm thực hiện quy định Đại lý giám sát hải quan thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa;

Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Hải quan,

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư quy định về việc thí điểm thực hiện quy định Đại lý giám sát hải quan thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước CHXHCN Việt Nam và Chính phủ nước CHND Trung Hoa.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định thủ tục đăng ký, xác nhận Đại lý giám sát hải quan và hoạt động của Đại lý giám sát hải quan; thủ tục đăng ký Sổ hải quan giám sát phương tiện và Giấy chứng nhận điều khiển phương tiện vận tải hàng hóa thuộc diện giám sát hải quan; thủ tục hải quan trong thực hiện quản lý phương tiện vận tải đường bộ Trung Quốc và hàng hóa được doanh nghiệp Trung Quốc chuyên chở trên lãnh thổ Việt Nam.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Doanh nghiệp Trung Quốc có phương tiện vận tải đường bộ (xe ô tô chở hàng, xe rơ moóc, xe đầu kéo, xe sơ mi rơ moóc) khi vận chuyển hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh trong lãnh thổ Việt Nam theo quy định Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.

2. Cơ quan hải quan, công chức hải quan.

3. Doanh nghiệp thực hiện Đại lý giám sát hải quan.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa* (sau đây gọi tắt là *Hiệp định vận tải Việt - Trung*) gồm:

a) Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ký ngày 22/11/1994;

b) Nghị định thư giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ký ngày 11/10/2011 về việc sửa đổi Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa;

c) Nghị định thư giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ký ngày 11/10/2011 về việc thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa.

2. *Đại lý giám sát hải quan* là doanh nghiệp Việt Nam đáp ứng được các điều kiện sau:

a) Doanh nghiệp được cơ quan có thẩm quyền Việt Nam cấp giấy phép vận tải đường bộ quốc tế để vận chuyển hàng hóa trên các tuyến vận tải hàng hóa theo quy định tại Hiệp định vận tải Việt - Trung;

b) Doanh nghiệp kinh doanh địa điểm nơi phương tiện vận tải đường bộ Trung Quốc thực hiện việc giao, nhận hàng hóa trên lãnh thổ Việt Nam và có tổ chức Hải quan hoạt động;

c) Doanh nghiệp chấp hành tốt pháp luật hải quan;

d) Doanh nghiệp được xác nhận Đại lý giám sát hải quan theo quy định tại Điều 4 Thông tư này.

Đại lý giám sát hải quan là đầu mối và chịu trách nhiệm đối với hoạt động vận tải đường bộ về phương tiện vận tải đường bộ và hàng hóa chuyên chở của doanh nghiệp Trung Quốc khi lưu thông và vận chuyển hàng hóa trên lãnh thổ Việt Nam theo quy định tại Thông tư này.

3. *Số hải quan giám sát phương tiện* là chứng từ quản lý phương tiện vận tải của doanh nghiệp Trung Quốc khi vận chuyển hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh trong lãnh thổ Việt Nam theo quy định Hiệp định vận tải Việt - Trung.

4. *Giấy chứng nhận điều khiển phương tiện vận tải hàng hóa thuộc diện giám sát hải quan* là chứng từ quản lý người điều khiển phương tiện (lái xe) vận tải của doanh nghiệp Trung Quốc khi vận chuyển hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh trong lãnh thổ Việt Nam theo quy định Hiệp định vận tải Việt - Trung.

Điều 4. Thủ tục đăng ký, xác nhận Đại lý giám sát hải quan

1. Doanh nghiệp Việt Nam nộp qua đường bưu chính hoặc nộp trực tiếp đến Tổng cục Hải quan 01 bộ hồ sơ gồm các tài liệu sau:

- a) Văn bản đề nghị trở thành Đại lý giám sát hải quan;
- b) Giấy đăng ký kinh doanh: nộp 01 bản chụp có công chứng theo quy định;
- c) Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế: nộp 01 bản chụp có công chứng theo quy định;
- d) Giấy tờ chứng minh doanh nghiệp kinh doanh địa điểm theo quy định tại tiết b khoản 2, Điều 3 Thông tư này: nộp 01 bản chụp có công chứng theo quy định.

2. Tiếp nhận và xử lý hồ sơ:

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị trở thành Đại lý giám sát hải quan và các chứng từ nêu tại khoản 1, Điều 4 Thông tư này Tổng cục Hải quan có trách nhiệm kiểm tra điều kiện, trường hợp cần thiết kiểm tra tại trụ sở doanh nghiệp và có văn bản chấp thuận hoặc từ chối (nêu rõ lý do) trả lời doanh nghiệp về việc doanh nghiệp đáp ứng hoặc không đáp ứng điều kiện theo quy định tại khoản 2, Điều 3 Thông tư này.

Điều 5. Hoạt động của Đại lý giám sát hải quan

1. Hợp đồng Đại lý giám sát hải quan.

Doanh nghiệp Việt Nam là Đại lý giám sát hải quan phải ký hợp đồng với doanh nghiệp Trung Quốc có phương tiện vận tải thực hiện vận chuyển hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh trong lãnh thổ Việt Nam để trở thành Đại lý giám sát hải quan của doanh nghiệp Trung Quốc theo quy định.

2. Ký quỹ.

Nhằm đảm bảo việc hoạt động đúng quy định của pháp luật Việt Nam đối với phương tiện vận tải đường bộ vận chuyển hàng hóa trên lãnh thổ Việt Nam, đảm bảo tính nguyên trạng của hàng hóa vận chuyển chịu sự giám sát hải quan, doanh nghiệp Trung Quốc nộp tiền ký quỹ tại Ngân hàng thương mại do Đại lý giám sát hải quan chỉ định, người thụ hưởng là Đại lý giám sát hải quan. Số tiền ký quỹ là 2.000.000.000 đồng (hai tỷ đồng Việt Nam) áp dụng cho một doanh nghiệp Trung Quốc, không giới hạn số lượng phương tiện vận chuyển hàng hóa. Thời hạn ký quỹ là thời hạn của hợp đồng Đại lý giám sát giữa doanh nghiệp Việt Nam (Đại lý giám sát hải quan) và doanh nghiệp Trung Quốc. Kết thúc thời hạn ký quỹ, khi có yêu cầu của doanh nghiệp Trung Quốc, nếu không phát sinh chi phí phải thanh toán từ số tiền ký quỹ, Đại lý giám sát hải quan chịu trách nhiệm hoàn trả số tiền ký quỹ cho doanh nghiệp Trung Quốc và số tiền lãi suất do Ngân hàng thương mại Việt Nam công bố.

3. Chế độ báo cáo:

a) Đại lý giám sát hải quan báo cáo Tổng cục Hải quan (Bộ Tài chính), Tổng cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự an toàn xã hội (Bộ Công an), Tổng cục đường Bộ Việt Nam (Bộ Giao thông vận tải) theo định kỳ vào tuần đầu tiên của tháng 12 hàng năm hoặc theo yêu cầu đột xuất của các cơ quan quản lý. Nội dung báo cáo gồm:

a.1) Thống kê lượng doanh nghiệp (bao gồm số lượng phương tiện vận tải, lái xe), địa điểm, khu vực vận tải hàng hóa vận chuyển trong kỳ báo cáo;

a.2) Thống kê tên hàng, tổng lượng hàng và trị giá mặt hàng xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh do doanh nghiệp Trung Quốc vận chuyển trong lãnh thổ Việt Nam trong kỳ báo cáo;

a.3) Đánh giá thuận lợi, khó khăn trong quá trình giám sát hoạt động vận tải hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh do doanh nghiệp Trung Quốc thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam trong kỳ báo cáo; các vi phạm (nếu có) và các vấn đề khác có liên quan.

b) Kịp thời thông báo Cục Hải quan nơi cấp Sổ hải quan giám sát phương tiện các vi phạm của doanh nghiệp Trung Quốc trong quá trình thực hiện hợp đồng Đại lý giám sát hải quan. Trường hợp nếu thấy doanh nghiệp Trung Quốc có vi phạm các quy định pháp luật Việt Nam trong quá trình thực hiện vận chuyển hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh trong lãnh thổ Việt Nam, Đại lý giám sát hải quan có văn bản nêu rõ hành vi vi phạm của doanh nghiệp Trung Quốc và đề nghị Cục Hải quan nơi cấp Sổ đình chỉ hoặc tạm dừng không tiếp tục cấp Sổ hải quan giám sát phương tiện cho doanh nghiệp Trung Quốc vi phạm.

Trên cơ sở nội dung đề nghị của Đại lý giám sát hải quan, Cục Hải quan nơi cấp Sổ xem xét, tiến hành xác minh nội dung thông tin theo báo cáo của

doanh nghiệp là Đại lý giám sát hải quan, nếu thấy phù hợp thì có văn bản thông báo cho Đại lý giám sát hải quan và doanh nghiệp Trung Quốc kết quả, lý do đình chỉ hoặc tạm dừng cấp Sổ hải quan giám sát phương tiện, tiến hành xử lý vi phạm hoặc thu hồi Sổ hải quan giám sát phương tiện, văn bản xác nhận Đại lý giám sát hải quan đã cấp theo quy định.

Điều 6. Thủ tục đăng ký Sổ hải quan giám sát phương tiện và Giấy chứng nhận điều khiển phương tiện vận tải hàng hóa thuộc diện giám sát hải quan.

1. Trước khi doanh nghiệp Trung Quốc thực hiện vận chuyển hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh trong lãnh thổ Việt Nam phải thực hiện thủ tục đăng ký Sổ hải quan giám sát phương tiện và Giấy chứng nhận điều khiển phương tiện vận tải hàng hóa tại trụ sở Cục Hải quan tỉnh biên giới nơi phương tiện vận tải đường bộ Trung Quốc sẽ nhập cảnh, xuất cảnh thông qua doanh nghiệp Việt Nam là Đại lý giám sát hải quan.

2. Doanh nghiệp nộp 01 bộ hồ sơ đăng ký Sổ hải quan giám sát phương tiện và Giấy chứng nhận điều khiển phương tiện vận tải hàng hóa thuộc diện giám sát hải quan gồm:

a) Văn bản đăng ký doanh nghiệp vận tải hàng hóa thuộc diện giám sát của Hải quan trên lãnh thổ Việt Nam: nộp 02 bản chính theo mẫu Phụ lục 1 ban hành kèm Thông tư này;

b) Văn bản đăng ký phương tiện vận tải hàng hóa thuộc diện giám sát của Hải quan trên lãnh thổ Việt Nam: nộp 02 bản chính theo mẫu Phụ lục 2 ban hành kèm Thông tư này;

c) Văn bản đăng ký lái xe điều khiển phương tiện vận tải hàng hóa thuộc diện giám sát của Hải quan trên lãnh thổ Việt Nam: nộp 02 bản chính theo mẫu Phụ lục 3 ban hành kèm Thông tư này;

d) Hợp đồng Đại lý giám sát hải quan: nộp 01 bản chụp, xuất trình bản chính để kiểm tra, đối chiếu;

đ) Giấy xác nhận ký quỹ còn hiệu lực do Ngân hàng thương mại phát hành: nộp 01 bản chụp, xuất trình bản chính để kiểm tra, đối chiếu;

e) Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế cấp cho phương tiện vận tải đường bộ vận chuyển hàng hóa hoạt động trên các tuyến vào sâu lãnh thổ hai nước: nộp 01 bản chụp, xuất trình bản chính để kiểm tra, đối chiếu;

g) Các chứng từ khác, bao gồm:

g.1) Đối với doanh nghiệp Trung Quốc:

g.1.1) Giấy đăng ký kinh doanh của công ty;

g.1.2) Giấy đăng ký kinh doanh vận tải hàng hóa bằng phương tiện container;

g.1.3) Hộ chiếu hoặc giấy tờ tương đương của người đại diện, chịu trách nhiệm trước pháp luật của doanh nghiệp.

g.2) Đối với phương tiện vận tải đường bộ của doanh nghiệp Trung Quốc:

g.2.1) Giấy đăng ký phương tiện;

g.2.2) Giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;

g.2.3) Giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc và bảo hiểm trách nhiệm dân sự đối với bên thứ ba do doanh nghiệp bảo hiểm Việt Nam phát hành;

g.2.4) 02 ảnh chụp trực diện phương tiện đầu kéo nghiêng 45 độ (kích thước 10cm x 15cm), thấy rõ biển số xe và sườn xe. 02 ảnh chụp trực diện rơ moóc (kích thước 10cm x 15cm), thấy rõ biển số.

g.3) Đối với lái xe cho phương tiện vận tải đường bộ của doanh nghiệp Trung Quốc:

g.3.1) Hợp đồng lao động;

g.3.2) Giấy phép lái xe;

g.3.3) Hộ chiếu hoặc giấy tờ tương đương của lái xe;

g.3.4) 02 ảnh 3x4 của lái xe;

Các chứng từ nêu tại điểm g, khoản 2 Điều 6 Thông tư này phải được công chứng, dịch sang tiếng Việt nộp 01 bản và xuất trình bản chính để đối chiếu.

Các chứng từ nêu tại khoản 2, Điều 6 Thông tư này do cơ quan có thẩm quyền của Trung Quốc cấp, chứng nhận phải được hợp pháp hóa lãnh sự và dịch, công chứng sang tiếng Việt theo quy định.

3. Tiếp nhận, xử lý và kết quả hồ sơ.

Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký Sổ hải quan giám sát phương tiện và Giấy chứng nhận điều khiển phương tiện vận tải hàng hóa thuộc diện giám sát hải quan, Cục Hải quan nơi tiếp nhận có trách nhiệm kiểm tra, đối chiếu và xác định tính hợp lệ của các chứng từ nêu tại khoản 2, Điều 6 Thông tư này theo quy định thì cấp Sổ hải quan giám sát phương tiện (theo mẫu Phụ lục 4 ban hành kèm Thông tư này) và Giấy chứng nhận điều khiển phương tiện vận tải hàng hóa thuộc diện giám sát hải quan (theo mẫu Phụ lục 5 ban hành kèm Thông tư này) cho doanh nghiệp.

Điều 7. Quản lý phương tiện vận tải đường bộ Trung Quốc và hàng hóa chuyên chở trên lãnh thổ Việt Nam

1. Nguyên tắc quản lý:

a) Phương tiện vận tải đường bộ Trung Quốc chỉ được vận chuyển trên tuyến đường theo quy định tại Hiệp định vận tải Việt - Trung, giao nhận hàng và làm thủ tục hải quan tại các địa điểm có tổ chức Hải quan.

b) Phương tiện vận tải Trung Quốc khi vận chuyển hàng hóa trên lãnh thổ Việt Nam phải chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan hải quan theo quy định của pháp luật về hải quan.

2. Quản lý phương tiện vận tải đường bộ:

a) Khi phương tiện vận tải đường bộ nhập cảnh:

a.1) Trước khi làm thủ tục hải quan cho phương tiện nhập cảnh, lái xe hoặc người đại diện doanh nghiệp Trung Quốc xuất trình Sổ hải quan giám sát phương tiện và các chứng từ có liên quan để Đại lý giám sát hải quan xác nhận các thông tin do người khai khai, phục vụ công tác thống kê, báo cáo, xác nhận trách nhiệm của Đại lý giám sát khi phương tiện vận tải đường bộ Trung Quốc nhập cảnh vào lãnh thổ Việt Nam đến địa điểm giao nhận hàng.

a.2) Chi cục Hải quan cửa khẩu biên giới thực hiện thủ tục hải quan đối với phương tiện vận tải đường bộ nhập cảnh theo quy định tại Thông tư số 42/2015/TT-BTC ngày 27 tháng 03 năm 2015 của Bộ Tài chính.

a.3) Ngay sau khi hoàn thành thủ tục hải quan đối với phương tiện nhập cảnh, công chức Hải quan làm thủ tục nhập cảnh cho phương tiện ký, đóng dấu công chức trên Sổ hải quan giám sát phương tiện để xác nhận các nội dung thông tin do người khai khai và xuất trình.

a.4) Ngay sau khi phương tiện vận tải đường bộ Trung Quốc đến địa điểm giao nhận hàng, lái xe hoặc người đại diện doanh nghiệp Trung Quốc xuất trình Sổ hải quan giám sát phương tiện và các chứng từ có liên quan cho Chi cục Hải quan quản lý địa điểm giao nhận để kiểm tra các nội dung thông tin do Hải quan biên giới đã xác nhận. Nếu phù hợp thì công chức hải quan ký, đóng dấu xác nhận trên Sổ hải quan giám sát phương tiện, trả lại cho lái xe hoặc người đại diện. Nếu thông tin không phù hợp hoặc có dấu hiệu vi phạm (như thời gian vận chuyển không hợp lý) thì Chi cục Hải quan quản lý địa điểm giao nhận thực hiện xác minh làm rõ và xử lý vi phạm theo quy định (nếu có).

b) Khi phương tiện vận tải đường bộ Trung Quốc xuất cảnh:

b.1) Trước khi làm thủ tục hải quan cho phương tiện rời địa điểm giao nhận hàng, lái xe hoặc người đại diện doanh nghiệp Trung Quốc xuất trình Sổ hải quan giám sát phương tiện và các chứng từ có liên quan để Đại lý giám sát

hải quan xác nhận các thông tin do người khai khai, phục vụ công tác thống kê, báo cáo, xác nhận trách nhiệm của Đại lý giám sát từ địa điểm giao nhận hàng đến khi phương tiện vận tải Trung Quốc xuất cảnh ra lãnh thổ Việt Nam; đồng thời xuất trình Sổ hải quan giám sát phương tiện và các chứng từ có liên quan cho Chi cục Hải quan quản lý địa điểm giao nhận hàng xác nhận các nội dung thông tin do người khai khai và xuất trình.

b.2) Ngay sau khi phương tiện vận tải đường bộ Trung Quốc đến địa điểm xuất cảnh, lái xe hoặc người đại diện xuất trình Sổ hải quan giám sát phương tiện và các chứng từ có liên quan cho Đại lý giám sát hải quan để xác nhận thông tin do người khai khai đồng thời xác nhận kết thúc trách nhiệm của Đại lý giám sát khi phương tiện vận tải đến địa điểm làm thủ tục xuất cảnh.

b.3) Trước khi làm thủ tục hải quan cho phương tiện xuất cảnh, lái xe hoặc người đại diện doanh nghiệp Trung Quốc xuất trình Sổ hải quan giám sát phương tiện và các chứng từ có liên quan cho Chi cục Hải quan cửa khẩu biên giới để kiểm tra nội dung thông tin do Chi cục Hải quan quản lý địa điểm giao nhận hàng đã xác nhận. Nếu phù hợp thì công chức hải quan ký, đóng dấu xác nhận trên Sổ hải quan giám sát phương tiện, trả lại cho lái xe hoặc người đại diện. Nếu thông tin không phù hợp hoặc có dấu hiệu vi phạm (như thời gian vận chuyển không hợp lý) thì Chi cục Hải quan cửa khẩu biên giới thực hiện xác minh làm rõ và xử lý vi phạm theo quy định (nếu có).

b.4) Chi cục Hải quan cửa khẩu biên giới thực hiện thủ tục hải quan đối với phương tiện vận tải đường bộ xuất cảnh theo quy định tại Thông tư số 42/2015/TT-BTC ngày 27 tháng 03 năm 2015 của Bộ Tài chính.

3. Quản lý hàng hóa:

a) Chi cục Hải quan cửa khẩu biên giới và Chi cục Hải quan quản lý địa điểm giao nhận hàng thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa chuyên chở để giao, nhận trên lãnh thổ Việt Nam theo quy định đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu vận chuyển chịu sự giám sát hải quan tại Luật Hải quan, Luật Thương mại, Nghị định số 08/2015/NĐ-CP, Nghị định số 187/2013/NĐ-CP, văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính và Tổng cục Hải quan.

b) Chi cục Hải quan cửa khẩu biên giới và Chi cục Hải quan quản lý địa điểm giao nhận hàng thực hiện thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát hải quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu chuyên chở để giao, nhận trên lãnh thổ Việt Nam theo quy định về thủ tục hải quan hàng hóa vận chuyển kết hợp trong trường hợp hàng hóa chuyên chở trên container được khai báo là hàng nguyên container (FCL) và đảm bảo giám sát hải quan theo quy định.

c) Trong trường hợp hàng hóa chuyên chở để giao, nhận trên lãnh thổ Việt Nam được khai báo là hàng lẻ đóng chung container (LCL, LTL) được vận chuyển bằng container có đích đến là kho gom, trả hàng lẻ (kho CFS) thì phải đưa về kho CFS nơi có tổ chức Hải quan hoạt động.

4. Trường hợp cơ quan Hải quan đủ cơ sở xác định có vi phạm pháp luật trong quá trình vận tải, chuyên chở hàng hóa trên lãnh thổ Việt Nam thì phải thông báo ngay cho Đại lý giám sát hải quan để phối hợp xử lý. Khoản ký quỹ Ngân hàng sẽ được sử dụng để chi trả các chi phí, tổn thất có liên quan. Nếu chi phí, tổn thất có liên quan nhiều hơn số tiền bảo lãnh thì Đại lý giám sát hải quan và doanh nghiệp Trung Quốc phải có trách nhiệm trả chi phí, tổn thất có liên quan theo giá trị tổn thất.

Điều 8. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký và hết hiệu lực thi hành đến hết ngày 10 tháng 02 năm 2017.

2. Quá trình thực hiện, nếu các văn bản liên quan đề cập tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

3. Đại lý giám sát hải quan có trách nhiệm thực hiện các quy định của pháp luật và quy định tại Thông tư này.

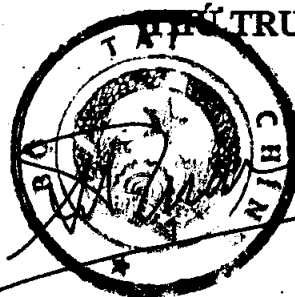
4. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có vướng mắc, đề nghị các tổ chức, cá nhân có liên quan kịp thời phản ánh về Bộ Tài chính (Tổng cục Hải quan) để được xem xét, hướng dẫn giải quyết. *ad*

Nơi nhận:

- VP TW Đảng và các Ban của Đảng;
- VP Quốc Hội, VP Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ; Văn phòng Tổng Bí thư;
- Viện kiểm sát NDTC, Toà án NDTC;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng BCĐ TW về phòng chống tham nhũng;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Công báo;
- Cục kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính, Website Bộ Tài chính;
- Cục Hải quan các tỉnh, thành phố;
- Website Tổng cục Hải quan;
- Lưu VT; TCHQ (lollb).

KT. BỘ TRƯỞNG

T. PHỤ TRƯỞNG



Đỗ Hoàng Anh Tuấn

Phụ lục 1 / Annex 1

**VĂN BẢN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP VẬN TẢI HÀNG HÓA
THUỘC DIỆN GIÁM SÁT CỦA HẢI QUAN TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM**

*(Registration form for providing transportation service under customs supervision within the territory
of the Socialist Republic of Viet Nam)*

I. Nội dung do doanh nghiệp khai/Declaration of the enterprise.

Kính gửi Cục Hải quan tỉnh / *To Customs Department*.....nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ
Nghĩa Việt Nam /*the Socialist Republic of Viet Nam*.

Doanh nghiệp chúng tôi đã được sự cấp phép hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ giao nhận vận tải của
Bộ giao thông vận tải nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa, đồng thời có đầy đủ tư cách doanh nghiệp
cũng như tư cách kinh doanh dịch vụ giao nhận vận tải đường bộ / *Our enterprise is licensed to
operate in the area of logistics by the Ministry of Transport of the People's Republic of China and
have full status of an legal enterprise as well as legal status to provide road logistics services.*

Căn cứ quy định tại Thông tư số / *Pursuant to the Circular No*/2015/TT-BTC ngày / *day*
.....tháng / *month*.....năm / *year*..... của Bộ Tài chính, chúng tôi làm văn bản này xin đăng ký
doanh nghiệp vận chuyển hàng hóa thuộc diện giám sát của Hải quan trên lãnh thổ Việt Nam / *issued
by the Ministry of Finance, we, hereby, would like to register to operate as a transport operator
subject to customs supervision within the territory of the Socialist Republic of Viet Nam.*

Các thông tin liên quan như sau / *The related information is as follows:*

1. Tên doanh nghiệp / *Name of enterprise*.....
2. Địa chỉ / *Address*..... Mã số bưu điện/*Postal code*.....
3. Tên Đại lý giám sát hải quan / *Name of customs authorized supervision
agent*.....Mã
số thuế của Đại lý giám sát hải quan / *Tax code of customs authorized supervision
agent*.....
4. Tên người đại diện hợp pháp của Đại lý giám sát hải quan / *Name of legal representative of
customs authorized supervision agent*:
- Số điện thoại liên hệ / *Phone number*.....
5. Loại hình doanh nghiệp / *Type of enterprise*:.....
6. Số giấy phép kinh doanh / *Business license No*:
7. Số giấy phép kinh doanh vận tải / *Certificate number of logistic business registration*:
.....
8. Số tiền ký quỹ tại ngân hàng / *Bank deposit at Bank*.....có trụ sở tại Việt
Nam với số tiền (VNĐ) / *located in Viet Nam with the amount of (VND)*:
9. Số phiếu thu hoặc số ký quỹ của ngân hàng / *Receipt number or Bank deposit number*:.....
10. Thời hạn ký quỹ / *Bank deposit's validity time*: từ ngày / *from date*.....tháng / *month*.....năm /
year.....đến ngày / *to date*.....tháng / *month*.....năm / *year*

Doanh nghiệp chúng tôi bảo đảm các thông tin nêu trên và thông tin tại các chứng từ nộp kèm văn
bản này gửi quý Hải quan đều chính xác, đúng sự thực / *We hereby declare that the details given
above and invoices attached to this registration form submitted to the customs are accurate and
honest.*

Kính mong Quý đơn vị phê duyệt nội dung đăng ký này của chúng tôi. Doanh nghiệp cũng như lái xe
của chúng tôi cam kết tự giác chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của Hải quan Việt Nam, cũng
như chịu hoàn toàn các trách nhiệm liên quan theo pháp luật Việt Nam / *We look forward to receiving
your approval to our registration. Our enterprise as well as our drivers shall strictly comply with the
regulations of Viet Nam Customs, and take full responsibility in accordance with laws of Viet Nam.*

Ngày / *Date*.....tháng / *month*.....năm / *year*.....

TÊN NGƯỜI ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP/Name of enterprise's representative:

(đóng dấu doanh nghiệp / enterprise's stamp)

II. Nội dung thẩm định của cơ quan Hải quan / Verification of Customs Administration

Lãnh đạo Cục phê chuẩn chấp thuận hoặc không chấp thuận nội dung đề nghị / *Leader of the local Customs Department approves or disapproves the request:*

1. Trường hợp không chấp thuận thì nêu rõ lý do / *In case of disapproval, clearly provide the reasons:*⁽¹⁾

2. Trường hợp chấp thuận thì cấp Mã số Hải quan / *In case of approval, issue a Customs code:*⁽²⁾

Ngày / Date.....tháng / month.....năm / year.....

LÃNH ĐẠO CỤC HẢI QUAN / Leader of Customs Department
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu đơn vị / signature, full name and stamp)

3. Ghi chú / Note: ⁽³⁾

⁽¹⁾ : Lý do không chấp nhận đề nghị: Doanh nghiệp đã có hành vi vi phạm pháp luật Hải quan thuộc thẩm quyền xử phạt của Chi cục trưởng Chi cục Hải quan trở lên hoặc có thông tin vi phạm từ các cơ quan quản lý khác.
⁽²⁾ : Mã số hải quan cấp theo nguyên tắc sau: chữ cái viết tắt tên tỉnh Cục Hải quan nơi cấp + Mã số thuế của Đại lý giám sát hải quan + Chữ cái viết tắt tên doanh nghiệp Trung Quốc được cấp, ví dụ Cục HQ tỉnh Lạng Sơn cấp mã cho Công ty TNHH Thành Lợi (doanh nghiệp vận tải Trung Quốc) mã số như sau: LS0102735469TL (trong đó 0102735469 là mã số thuế của doanh nghiệp Việt Nam là Đại lý giám sát cho Công ty TNHH Thành Lợi).
⁽³⁾ : Ghi các ghi chú có liên quan.

Phụ lục 2 / Annex 2

**VĂN BẢN ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN VẬN TẢI HÀNG HÓA
THUỘC DIỆN GIÁM SÁT CỦA HẢI QUAN TRÊN LÃNH THỔ VIỆT NAM**
*(Registration form for means of transport subjected to customs supervision within the
territory of the Socialist Republic of Viet Nam) ⁽¹⁾*

I. Nội dung do doanh nghiệp khai/ Content declared by enterprise:			
1. Tên doanh nghiệp / <i>Name of enterprise</i>		2. Địa chỉ / Mã số bưu điện/Address/Postal code	
3. Biển số xe / Plate <i>Number</i>		4. Số máy / Engine <i>Number</i>	
5. Nhãn hiệu / Brand		6. Số khung / Vehicle <i>Identification Number</i>	
7. Loại xe / Type		8. Tải trọng / Capacity	
9. Màu xe / Color		10. Trọng lượng/Weight	
11. Phạm vi tuyến đường hoạt động/ <i>Designated routes</i>			
<p>Doanh nghiệp cam kết những nội dung điền trên đây đều chính xác, trung thực, cũng như cam kết tăng cường quản lý đối với phương tiện, tiến hành hoạt động vận chuyển hàng hóa thuộc diện giám sát của Hải quan theo đúng phạm vi tuyến đường được chỉ định / <i>We hereby undertake that the details given above are true and accurate. We also declare to keep tight control over the means of transport and only transport the goods subjected to customs supervision in accordance with the assigned routes.</i></p> <p style="text-align: center;"><i>Ngày/Date.....tháng/month.....năm/year.....</i></p> <p style="text-align: center;">TÊN NGƯỜI ĐẠI DIỆN DOANH NGHIỆP / Name of enterprise's representative: <i>(đóng dấu doanh nghiệp /enterprise's stamp)</i></p> <p style="text-align: center;">Ảnh chụp chếch 45 độ từ phía trước xe/ Photo of means of transport taken from an angle of 45 degrees in the front</p>			

⁽¹⁾ : Văn bản này sử dụng cho từng phương tiện vận tải hàng hóa thuộc diện giám sát hải quan vận chuyển trên lãnh thổ Việt Nam

II. Nội dung thẩm định của cơ quan Hải quan/Verification of Customs administration

Lãnh đạo Cục phê chuẩn chấp thuận hoặc không chấp thuận nội dung đề nghị / *Leader of the local Customs Department approves or disapproves the request:*

1. Trường hợp không chấp thuận thì nêu rõ lý do/*In case of disapproval, clearly provide the reasons:*

2. Trường hợp chấp thuận thì cấp Mã số Hải quan / *In case of approval, issue a Customs code:* ⁽²⁾

Ngày / Date tháng / month năm / year

LÃNH ĐẠO CỤC HẢI QUAN / Leader of Customs Department
(Ký, họ tên và đóng dấu đơn vị / signature, full name and stamp)

3. Ghi chú / Note:⁽³⁾

⁽²⁾ : Mã số Hải quan cấp theo nguyên tắc sau: số thứ tự xe của doanh nghiệp Trung Quốc + Mã số đã cấp theo Phụ lục 1, ví dụ Cục HQ tỉnh Lạng Sơn cấp mã số hải quan đối với xe ô tô thứ nhất của Công ty TNHH Thành Lợi (doanh nghiệp vận tải Trung Quốc) là: 01LS0102735469TL, cấp mã số hải quan cho xe thứ hai của Công ty TNHH Thành Lợi là: 02LS0102735469TL và cấp cho xe thứ n là: nLS0102735469TL.

⁽³⁾ : Ghi các ghi chú có liên quan.

II. Nội dung thẩm định của cơ quan Hải quan / Verification of Customs administration

Lãnh đạo Cục phê chuẩn chấp thuận hoặc không chấp thuận nội dung đề nghị / Leader of the local Customs Department approves or disapproves the request:

1. Trường hợp không chấp thuận thì nêu rõ lý do / In case of disapproval, clearly provide the reasons:

2. Trường hợp chấp thuận thì cấp số Giấy chứng nhận điều khiển phương tiện / In case of approval, issue a Permit number to the driver of the means of transport: ⁽²⁾

Ngày / Date tháng / month năm / year

LÃNH ĐẠO CỤC HẢI QUAN / Leader of Customs Department
(Ký, họ tên và đóng dấu đơn vị/signature, full name and stamp)

3. Ghi chú / Note: ⁽³⁾

⁽²⁾ : Số Giấy chứng nhận điều khiển phương tiện cấp theo nguyên tắc sau: Mã số đã cấp theo Phụ lục 1 + Số thứ tự lái xe đăng ký; ví dụ Cục HQ tỉnh Lạng Sơn sẽ cấp số Giấy chứng nhận đối với lái xe thứ nhất của Công ty TNHH Thành Lợi là: LS0102735469TL01 và cấp mã số hải quan cho lái xe thứ hai của Công ty TNHH Thành Lợi là: LS0102735469TL02 và cấp số Giấy chứng nhận cho lái xe thứ n của Công ty TNHH Thành Lợi là là: LS0102735469TLn.

⁽³⁾ : Ghi các ghi chú có liên quan

Phụ lục 4 / Annex 4

CỤC HẢI QUAN TỈNH / CUSTOMS DEPARTMENTNƯỚC CỘNG HÒA
XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM / THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

BAN HÀNH / ISSUES

SỔ HẢI QUAN GIÁM SÁT PHƯƠNG TIỆN / CUSTOMS SUPERVISION RECORD BOOK
ON MEANS OF TRANSPORT ⁽¹⁾

MÃ SỐ HẢI QUAN / CUSTOMS CODE: ⁽²⁾

BIÊN SỐ XE / NUMBER PLATE: ⁽³⁾

CÁC ĐIỀU CẦN BIẾT/NOTES

1. Sổ hải quan giám sát phương tiện này do Hải quan nơi phương tiện vận tải thuộc diện chịu sự giám sát Hải quan trên lãnh thổ Việt Nam nhập cảnh, xuất cảnh phê chuẩn, in ấn và cấp theo quy định tại Thông tư số/2015/TT-BTC ngày.....tháng.....năm 2015 của Bộ Tài chính nước CHXHCN Việt Nam / *Customs supervision record book on means of transport is approved, printed and issued by the local customs department, where means of transport on entry and exit is subjected to customs supervision within the territory of the Socialist Republic of Viet Nam, in accordance with the Circular No...../2015/TT-BTC dated.....issued by the Ministry of Finance.*

2. Sổ hải quan giám sát phương tiện này là chứng từ nhằm đảm bảo hoạt động vận tải hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, quá cảnh trong lãnh thổ Việt Nam tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật Hải quan Việt Nam / *Customs supervision record book on means of transport is a document aimed to ensure that the transportation of goods imported, exported or in transit in the territory of Viet Nam is in accordance with laws on customs.*

3. Các mục trong Sổ hải quan giám sát phương tiện này do lái xe hoặc do người đại diện (Đại lý giám sát hải quan) khai và xác nhận; lái xe hoặc người đại diện phải khai rõ ràng, đúng thực tế, đúng quy định / *Details in the record book are declared and verified by the*

⁽¹⁾: Sổ này được cấp cho 01 phương tiện vận tải chuyên chở hàng hóa thuộc diện giám sát hải quan / This record book is issued for each means of transport subjected to customs supervision;

⁽²⁾: Hải quan nơi cấp ghi theo mã số đã cấp theo Phụ lục 2 / Customs Department issuing this record book fills in the customs code issued according to Annex 2;

⁽³⁾: Hải quan nơi cấp ghi biển số xe của phương tiện được cấp / Customs Department issuing this record book fills in the number plate of the means of transport.

drivers or representatives (customs authorized supervision agents); the declaration made by drivers or representatives shall be clear, accurate and in accordance with the regulations.

4. Ngoài những xe đã được Hải quan tỉnh biên giới (nơi phương tiện nhập cảnh, xuất cảnh) phê chuẩn, cấp Sổ theo quy định thì các phương tiện thuộc diện phải chịu giám sát nhưng chưa được cấp Sổ thì không được vận chuyển hàng hóa trên lãnh thổ Việt Nam / *Except for means of transport already approved and issued with a customs supervision record book by customs at border where they are on entry or exit, those subject to customs supervision without a record book are not permitted to travel within the territory of the Socialist Republic of Viet Nam.*

5. Vận chuyển hàng hóa thuộc diện giám sát của Hải quan, khi nhập cảnh, xuất cảnh không được phép đổi - xếp - dỡ hàng giữa đường, phải vận chuyển hàng hóa đến địa điểm được Hải quan chỉ định, bảo đảm nguyên vẹn niêm phong / *It is not allowed to change, load, unload goods on the way during the transportation of goods subject to customs supervision on entry or exit. The assigned routes must be followed and the original state of the seals must be maintained.*

6. Lái xe hoặc người đại diện phải giữ gìn Sổ hải quan giám sát phương tiện này, không được chuyển nhượng, cho mượn, tẩy xóa, sửa chữa, làm rách hoặc sử dụng vào mục đích khác, nếu không sẽ bị xử lý theo quy định liên quan của Hải quan / *Drivers or representatives shall keep record books in good condition and not transfer, lend, modify, edit, tear or use record books for other purposes. Otherwise, penalties shall be applied in accordance with laws on customs.*

7. Sổ hải quan giám sát phương tiện này phải được bổ sung hoặc đổi, thay mới tại Hải quan nơi đăng ký; nếu bị thất lạc, phải kịp thời thông báo cho Hải quan nơi cấp Sổ, được cấp lại sau khi Hải quan phê chuẩn / *Customs supervision record book must be supplemented or renewed, reissued by the local customs department where the record book was first registered; in case of loss, it is requested to report to the customs department issuing the record book for approval and reissuance*

8. Trong mỗi Sổ hải quan giám sát phương tiện này có 100 mục xác nhận thông tin về lái xe, phương tiện và hàng hóa, thứ tự từ "nhập cảnh, xuất cảnh lần 1" cho đến "nhập cảnh, xuất cảnh lần 100". Mỗi một lần phương tiện nhập cảnh, xuất cảnh thì được khai báo và xác nhận một lần tại mục "nhập cảnh, xuất cảnh lần...". Trường hợp vượt quá lần nhập cảnh, xuất cảnh thứ 100 nhưng Hợp đồng Đại lý giám sát hải quan còn hiệu lực thì Hải quan nơi cấp Sổ có trách nhiệm cấp bổ sung theo đề nghị của Đại lý giám sát hải quan / *Each customs supervision record book has 100 sections for the verification on information of driver, means of transport and goods, in order, from "On entry or exit: for the 1st time" to "On entry or exit: for the 100th time". Each entry, exit shall be declared and verified in the section of "On entry or exit: for the.... time", In case the numbers of exits or entries excesses 100 while the customs supervision authorized agent contract is still valid, the local customs department issuing the book shall supplement upon the agent's request.*

9. Nếu có hành vi vi phạm các quy định của Hải quan, Hải quan sẽ căn cứ theo Luật Hải quan tiến hành xử lý / *Any violations of customs regulations shall be handled in accordance with laws on customs.*

10. Khi cơ quan Hải quan tiến hành kiểm tra thường niên đối với xe vận chuyển hàng hóa thuộc diện giám sát của Hải quan, bắt buộc phải kiểm tra Sổ hải quan giám sát phương tiện này / *When customs conducts annual inspection on means of transport subjected to customs supervision, customs supervision record book shall be examined.*

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP / GENERAL INFORMATION OF THE ENTERPRISE			
1. Tên doanh nghiệp Trung Quốc / <i>Name of Chinese enterprise</i>		2. Địa chỉ, Mã số bưu điện / <i>Address, Postal code</i>	
3. Tên Đại lý giám sát hải quan / <i>Name of customs authorized supervision agent</i>		4. Địa chỉ / <i>Address</i>	
5. Tên người đại diện Đại lý Giám sát Hải quan / <i>Name of representative of customs authorized supervision agent</i>		6. Số điện thoại liên hệ / <i>Phone number</i>	
II. THÔNG TIN CHUNG VỀ PHƯƠNG TIỆN / GENERAL INFORMATION OF MEANS OF TRANSPORT			
1. Loại xe / <i>Type</i>		2. Biển số xe / <i>Number plate</i>	
3. Nhãn hiệu / <i>Brand</i>		4. Tải trọng / <i>Capacity</i>	
5. Số khung / <i>Vehicle Identification Number</i>		6. Số máy / <i>Engine Number</i>	
7. Khu vực được phép vận chuyển hàng hóa trong lãnh thổ Việt Nam / <i>Permitted area of transportation in the territory of the Socialist Republic Viet Nam</i>			

(vị trí Ảnh xe / *Photo of means of transport*)

(vị trí Ảnh xe / *Photo of means of transport*)

(Hải quan cấp Sổ đóng dấu lên
vị trí 4 góc của ảnh / *Customs department issuing the
record book to stamp on four corners of the photo*)

(Hải quan cấp Sổ đóng dấu lên
vị trí 4 góc của ảnh / *Customs department issuing the
record book to stamp on four corners of the photo*)

Ngày / Date.....tháng / month.....năm / year.....

**CỤC HẢI QUAN TỈNH / CUSTOMS DEPARTMENTNƯỚC
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM / THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
(Đóng dấu/Stamp)**

(nhập cảnh, xuất cảnh lần 1 / on entry or exit: for the 1 st time)			
I. Đại lý giám sát hải quan xác nhận thông tin về lái xe và hàng hóa / Verification of customs authorized supervision agent on the information of drivers and goods			
1. Họ và tên lái xe / Full name of the driver		2. Số Hộ chiếu lái xe / Passport number of the driver	
3. Số giấy phép lái xe / Driving license		4. Số giấy chứng nhận điều khiển phương tiện / Permit number for the driver of means of transport	
5. Số Giấy phép vận tải / Transport license Number		6. Loại giấy phép vận tải / Type of transport license	
7. Cơ quan cấp Giấy phép vận tải / Issue place of transport license		7. Ngày cấp Giấy phép vận tải / Issue date of transport license	
8. Số hiệu container / phương tiện chứa hàng (nếu có) / Container number / Serial number of means of containment (if any)		9. Số niêm phong Hãng vận tải hoặc Hải quan (nếu có) / Seal number of Customs or transport operator	
10. Địa điểm, thời gian giao nhận hàng hóa / Location, time of goods delivery	Nhập cảnh / Entry: Từ địa điểm / From: Đến địa điểm / To: Thời gian nhập cảnh / Entry time: giờ / hour, ngày / d tháng / m năm / y Thời gian dự kiến đến địa điểm giao hàng / Expected arrival time at delivery location: giờ / hour, ngày / d tháng / m năm / y		
	Xuất cảnh / Exit: Từ địa điểm / From: Đến địa điểm / To: Thời gian khởi hành / Departure time: giờ / hour, ngày tháng năm (d/m/y) Thời gian dự kiến đến cửa khẩu xuất cảnh / Expected arrival time at exit border: giờ / hour, ngày tháng năm (d/m/y)		
II. Đại lý giám sát hải quan và cơ quan Hải quan xác nhận thông tin về lái xe, phương tiện và hàng hóa / Verification of customs authorized supervision agent and customs administration on the information of driver, means of transport and goods			
1. Tên hàng hóa nhập khẩu / Name of imported goods	2. Trị giá (USD) / Value (USD)	3. Trọng lượng (Tấn) / Weight (tons)	4. Ghi chú khác / Other notes
5. Đại lý Giám sát hải quan xác nhận thông tin lái xe, tình trạng phương tiện và hàng hóa tại cửa khẩu nhập cảnh / Verification of customs authorized supervision agent on the information of the driver, state of means of transport and goods at entry border	6. Công chức Hải quan cửa khẩu biên giới xác nhận tình trạng phương tiện và hàng hóa tại cửa khẩu nhập cảnh / Verification of customs officer at the border checkpoint on the state of means of transport and goods at entry border:	7. Đại lý Giám sát hải quan xác nhận thông tin lái xe, tình trạng phương tiện và hàng hóa tại nơi giao nhận / Verification of customs authorized supervision agent on the information of the driver, state of means of transport and goods at delivery location	8. Công chức Hải quan quản lý địa điểm nơi giao nhận xác nhận tình trạng phương tiện và hàng hóa tại nơi giao nhận / Verification of customs officer in charge of delivery location on the state of means of transport and goods at delivery location:
Ký, Họ tên / Signature, full name. Ngày, tháng, năm / (d/m/y)	Ký, đóng dấu / Signature, stamp. Ngày, tháng, năm / (d/m/y)	Ký, Họ tên / Signature, full name. Ngày, tháng, năm / (d/m/y)	Ký, đóng dấu / Signature, stamp. Ngày, tháng, năm / (d/m/y)
9. Tên hàng hóa xuất khẩu / Name of exported goods	10. Trị giá (USD) / Value (USD)	11. Trọng lượng (Tấn) / Weight (tons)	12. Ghi chú khác / Other notes
13. Đại lý Giám sát hải quan xác nhận thông tin lái xe, tình trạng phương tiện và hàng hóa tại nơi giao nhận / Verification of customs authorized supervision agent on the information of the driver, state of means of transport and goods at delivery location:	14. Công chức Hải quan quản lý địa điểm nơi giao nhận xác nhận tình trạng phương tiện và hàng hóa tại nơi giao nhận / Verification of customs officer in charge of the delivery location on the state of means of transport and goods at delivery location:	15. Đại lý Giám sát hải quan xác nhận thông tin lái xe, tình trạng phương tiện và hàng hóa tại cửa khẩu xuất cảnh / Verification of customs authorized supervision agent on the information of the driver, state of means of transport and goods at exit border:	16. Công chức Hải quan cửa khẩu biên giới xác nhận tình trạng phương tiện và hàng hóa tại cửa khẩu xuất cảnh / Verification of customs officer on the state of means of transport and goods at exit border:
Ký, Họ tên / Signature, full name. Ngày, tháng, năm / (d/m/y)	Ký, đóng dấu / Signature, stamp. Ngày, tháng, năm / (d/m/y)	Ký, Họ tên / Signature, full name. Ngày, tháng, năm / (d/m/y)	Ký, đóng dấu / Signature, stamp. Ngày, tháng, năm / (d/m/y)

(nhập cảnh, xuất cảnh lần ... / on entry or exit: for the ... time)			
I. Đại lý giám sát hải quan xác nhận thông tin về lái xe và hàng hóa / Verification of customs authorized supervision agent on the information of drivers and goods			
1. Họ và tên lái xe / Full name of the driver		2. Số Hộ chiếu lái xe / Passport number of the driver	
3. Số giấy phép lái xe / Driving license		4. Số giấy chứng nhận điều khiển phương tiện / Permit number for the driver of means of transport	
5. Số Giấy phép vận tải / Transport license Number		6. Loại giấy phép vận tải / Type of transport license	
7. Cơ quan cấp Giấy phép vận tải / Issue place of transport license		7. Ngày cấp Giấy phép vận tải / Issue date of transport license	
8. Số hiệu container / phương tiện chứa hàng (nếu có) / Container number/ Serial number of means of containment (if any)		9. Số niêm phong Hạng vận tải hoặc Hải quan (nếu có) / Seal number of Customs or transport operator	
10. Địa điểm, thời gian giao nhận hàng hóa / Location, time of goods delivery	Nhập cảnh / Entry: Từ địa điểm / From: Đến địa điểm / To: Thời gian nhập cảnh / Entry time: giờ / hour, ngày / d tháng / m năm / y Thời gian dự kiến đến địa điểm giao hàng / Expected arrival time at delivery location: giờ / hour, ngày / d tháng / m năm / y		
	Xuất cảnh / Exit: Từ địa điểm / From: Đến địa điểm / To: Thời gian khởi hành / Departure time: giờ / hour, ngày tháng năm (d/m/y) Thời gian dự kiến đến cửa khẩu xuất cảnh / Expected arrival time at exit border: giờ / hour, ngày tháng năm (d/m/y)		
II. Đại lý giám sát hải quan và cơ quan Hải quan xác nhận thông tin về lái xe, phương tiện và hàng hóa / Verification of customs authorized supervision agent and customs administration on the information of driver, means of transport and goods			
1. Tên hàng hóa nhập khẩu / Name of imported goods	2. Trị giá (USD) / Value (USD)	3. Trọng lượng (Tấn) / Weight (tons)	4. Ghi chú khác / Other notes
5. Đại lý Giám sát hải quan xác nhận thông tin lái xe, tình trạng phương tiện và hàng hóa tại cửa khẩu nhập cảnh / Verification of customs authorized supervision agent on the information of the driver, state of means of transport and goods at entry border	6. Công chức Hải quan cửa khẩu biên giới xác nhận tình trạng phương tiện và hàng hóa tại cửa khẩu nhập cảnh / Verification of customs officer at the border checkpoint on the state of means of transport and goods at entry border:	7. Đại lý Giám sát hải quan xác nhận thông tin lái xe, tình trạng phương tiện và hàng hóa tại nơi giao nhận / Verification of customs authorized supervision agent on the information of the driver, state of means of transport and goods at delivery location	8. Công chức Hải quan quản lý địa điểm nơi giao nhận xác nhận tình trạng phương tiện và hàng hóa tại nơi giao nhận / Verification of customs officer in charge of delivery location on the state of means of transport and goods at delivery location:
Ký, Họ tên / Signature, full name. Ngày, tháng, năm / (d/m/y)	Ký, đóng dấu / Signature, stamp. Ngày, tháng, năm / (d/m/y)	Ký, Họ tên / Signature, full name. Ngày, tháng, năm / (d/m/y)	Ký, đóng dấu / Signature, stamp. Ngày, tháng, năm / (d/m/y)
9. Tên hàng hóa xuất khẩu / Name of exported goods	10. Trị giá (USD) / Value (USD)	11. Trọng lượng (Tấn) / Weight (tons)	12. Ghi chú khác / Other notes
13. Đại lý Giám sát hải quan xác nhận thông tin lái xe, tình trạng phương tiện và hàng hóa tại nơi giao nhận / Verification of customs authorized supervision agent on the information of the driver, state of means of transport and goods at delivery location:	14. Công chức Hải quan quản lý địa điểm nơi giao nhận xác nhận tình trạng phương tiện và hàng hóa tại nơi giao nhận / Verification of customs officer in charge of the delivery location on the state of means of transport and goods at delivery location:	15. Đại lý Giám sát hải quan xác nhận thông tin lái xe, tình trạng phương tiện và hàng hóa tại cửa khẩu xuất cảnh / Verification of customs authorized supervision agent on the information of the driver, state of means of transport and goods at exit border:	16. Công chức Hải quan cửa khẩu biên giới xác nhận tình trạng phương tiện và hàng hóa tại cửa khẩu xuất cảnh / Verification of customs officer on the state of means of transport and goods at exit border:
Ký, Họ tên / Signature, full name. Ngày, tháng, năm / (d/m/y)	Ký, đóng dấu / Signature, stamp. Ngày, tháng, năm / (d/m/y)	Ký, Họ tên / Signature, full name. Ngày, tháng, năm / (d/m/y)	Ký, đóng dấu / Signature, stamp. Ngày, tháng, năm / (d/m/y)

**SỔ HẢI QUAN GIÁM SÁT PHƯƠNG TIỆN DO CỤC HẢI QUAN TỈNH / CUSTOMS
SUPERVISION RECORD BOOK ON MEANS OF TRANSPORT CUSTOMS DEPARTMENT
.....NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM BAN HÀNH
/ OF THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM ISSUES**

HIỆU LỰC THI HÀNH / PERIOD OF VALIDITY ⁽⁴⁾

Từ ngày / From date.....tháng / month.....năm / year.....

đến ngày / to date.....tháng / month.....năm / year.....

⁽⁴⁾: Hiệu lực của Sổ theo thời hạn của hợp đồng Đại lý giám sát hải quan. Hải quan nơi cấp Sổ đóng dấu giáp lai trên Sổ hải quan giám sát phương tiện này khi cấp / *The period of validity of record books is in accordance with the period of validity of customs authorized supervision agent contract. Local customs departments issuing record books shall stamp on adjoining edges of the pages.*

Phụ lục 5 / Annex 5

**CỤC HẢI QUAN TỈNH / CUSTOMS DEPARTMENTNƯỚC CỘNG HÒA
XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM / THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

BAN HÀNH / ISSUES

Giấy chứng nhận điều khiển phương tiện vận tải hàng hóa thuộc diện giám sát hải quan trong
nội địa nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam / *Permit to the driver of the means of
transport subjected to customs supervision in the territory of the Socialist Republic of Viet Nam*

1. Số giấy chứng nhận điều khiển phương tiện / *Permit number to the driver of the means of
transport* ⁽¹⁾:

2. Tên doanh nghiệp Trung Quốc / *Name of Chinese enterprise*:
.....

3. Tên Đại lý giám sát hải quan / *Name of customs authorized supervision agent*:
.....

4. Tên người đại diện hợp pháp của Đại lý giám sát hải quan và số điện thoại liên hệ / *Name
of legal representative of customs authorized supervision agent and his/her phone number*:
.....

5. Họ và tên lái xe / *Full name of driver*:.....

6. Số Hộ chiếu lái xe / *Passport number of driver*:.....

7. Hiệu lực của Giấy chứng nhận điều khiển phương tiện vận tải hàng hóa thuộc diện giám sát
hải quan từ ngày / *This permit is valid from date*tháng / *month*năm / *year*đến
ngày / *to date*tháng / *month*năm / *year*.....⁽²⁾

Ngày / *Date*.....tháng / *month*.....năm / *year*.....

**CỤC HẢI QUAN TỈNH / Customs Department.....nước
Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam / of the Socialist
Republic of Viet Nam.**

(Đóng dấu / *Stamp*)

(Ảnh 3x4 lái xe/
3x4cm photo of driver)
(Cục Hải quan nơi cấp
đóng dấu lên góc phải tại
ảnh của lái xe/*Customs
issuing the permit to
stamp on the right corner
of the driver's photo*)

⁽¹⁾:Hải quan nơi cấp ghi theo số Giấy chứng nhận điều khiển phương tiện đã cấp theo Phụ lục 3 / *Customs issuing
the permit fills in the number of the permit issued according to Annex 3.*

⁽²⁾: Hiệu lực của Giấy chứng nhận này theo thời hạn của hợp đồng Đại lý giám sát hải quan / *Validation time of
the permit is in accordance with the validation time of customs supervision authorized agent contract.*

CÁC ĐIỀU CẦN BIẾT / IMPORTANT NOTICES:

1. Giấy chứng nhận này chỉ có giá trị đối với lái xe của doanh nghiệp Trung Quốc. Lái xe được cấp phải bảo quản cẩn thận, không cho người khác mượn Giấy chứng nhận này / *This permit is only valid for drivers of the Chinese enterprises. Drivers shall keep the permit in good condition and shall not lend the permit.*
2. Khi Hải quan có yêu cầu, lái xe vận chuyển hàng hóa thuộc diện Hải quan giám sát phải xuất trình Giấy chứng nhận này để cùng đối chiếu với Sổ hải quan giám sát phương tiện đã được cấp / *Drivers transporting goods subject to customs supervision shall present this permit to customs upon request to check against the Customs supervision record book on means of transport.*
3. Nếu bị mất hoặc thay đổi doanh nghiệp vận tải thì lái xe hoặc người đại diện doanh nghiệp phải kịp thời báo cho cơ quan Hải quan nơi cấp để đăng ký và cấp lại hoặc thay đổi / *In case of loss of the permit or changes of transportation enterprise, drivers or representatives of enterprises shall report to the local customs department issuing the permit at the soonest for reissuance or updating the changes.*